

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ UIC MARINE QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ UIC MARINE QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UIC MARINE INTERNATIONAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UIC MARINE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109116517

3. Ngày thành lập: 09/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà văn phòng CTM, 299 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917581816

Fax:

Email: marineuic@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
2.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

5.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: + Mô tô, xe lưu động, cắm trại..., + Động cơ tàu hỏa; - Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển: + Thuyền và tàu thương mại; - Cho thuê container; - Cho thuê palet;	7730
6.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
8.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
9.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
10.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
11.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
12.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
13.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
14.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
15.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
16.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
17.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
18.	Sản xuất máy luyện kim	2823
19.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
20.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
21.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
22.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

23.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
25.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che.	3319
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
29.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, ô tô và xe có động cơ khác	4513
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng - khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
42.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
43.	Bán buôn đồ uống	4633
44.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm	5590
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Điều hành tua du lịch	7912
51.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
52.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
54.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
55.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
56.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
57.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
58.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
60.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
61.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
62.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ ván ghép.	1621
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
66.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
67.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
68.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
69.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
70.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

71.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
72.	Đúc sắt, thép	2431
73.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
74.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
75.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
76.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
78.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
79.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: Sản xuất chân vịt tàu và cánh, Mỏ neo	2599
80.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
81.	Sản xuất đồng hồ	2652
82.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
83.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
84.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
85.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
86.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
87.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
88.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
90.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
91.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
92.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
93.	Xây dựng nhà để ở	4101
94.	Xây dựng nhà không để ở	4102
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
96.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
97.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
98.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
99.	Xây dựng công trình điện	4221
100.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
101.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

102.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
103.	Phá dỡ	4311
104.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
105.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, + Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy	4329
106.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
107.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390

108.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng ; - Thiết kế quy hoạch xây dựng ; - Tư vấn đấu thầu - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu	7110
109.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
110.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản ; - Tư vấn bất động sản	6820
111.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
112.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
113.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
114.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932

118.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
119.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
120.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
121.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
122.	Bốc xếp hàng hóa	5224
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Các công việc phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận hàng hoá, vận chuyển hành khách và hành lý trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển (kể cả hợp đồng vận tải đa phương thức); - Cho thuê, nhận thuê hộ phương tiện vận tải biển, thiết bị bốc dỡ, kho tàng, bến bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác.	5229
124.	Chuyên phát	5320
125.	Xuất bản phần mềm	5820
126.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
127.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
128.	Dịch vụ đóng gói	8292
129.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
130.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
131.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
132.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa đặc biệt và bảo dưỡng cho tàu và hệ thống nổi.	3315
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
134.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hoạt động hợp báo)	8230
135.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
136.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
137.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663

138.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
139.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...	4649
140.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
141.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
142.	Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: - Đóng tàu thương mại: tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dặt... - Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá. - Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí); - Thiết lập cầu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo... - Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cầu kiện nổi.	3011
143.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí Chi tiết: - Sản xuất xuồng hơi và bè mảng; - Đóng thuyền buồm có hoặc không có trợ lực; - Đóng xuồng máy; - Đóng tàu đệm không khí dùng cho giải trí; - Đóng thủy phi cơ cá nhân; - Đóng tàu du lịch và tàu thể thao khác như: Ca nô, xuồng caiac (xuồng gỗ nhẹ), xuồng chèo, xuồng nhỏ.	3012

144.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
145.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
146.	Tái chế phế liệu	3830
147.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
148.	Thu gom rác thải độc hại	3812
149.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
150.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
151.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
152.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN QUẢNG	Thôn 6, Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	288.000	2.880.000.000	32,000	034082008070	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	288.000	2.880.000.000	32,000		

2	LÊ ĐÌNH HÙNG	Thôn Bái Trang, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	288.000	2.880.000.000	32,000	151560916
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	288.000	2.880.000.000	32,000	
3	VŨ ĐỨC TRƯỜNG	Thôn 8, Địa Linh, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	288.000	2.880.000.000	32,000	0340870079 98
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	288.000	2.880.000.000	32,000	
4	PHẠM THỊ KIM MAI	Thôn 8, Địa Linh, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	4,000	0341870074 40
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	36.000	360.000.000	4,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111859571

Ngày cấp: 14/11/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Kiều Đông, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Kiều Đông, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội